

STT No	Tên sản phẩm Product's name	Ký hiệu Product Symbol	Đơn giá (Đã có VAT) Unit price (included VAT)
			(VNĐ/m)
10	Ngắm 4 x 70 RC	CXV-DSTA 4x70RC-0.6	998,857
11	Ngắm 4 x 95 RC	CXV-DSTA 4x95RC-0.6	1,396,320
12	Ngắm 4 x 120RC	CXV-DSTA 4x120RC-0.6	1,751,130
13	Ngắm 4 x 150RC	CXV-DSTA 4x150RC-0.6	2,141,021
14	Ngắm 4 x 185RC	CXV-DSTA 4x185RC-0.6	2,683,503
15	Ngắm 4 x 240RC	CXV-DSTA 4x240RC-0.6	3,520,596
16	Ngắm 4 x 300RC	CXV-DSTA 4x300RC-0.6	4,337,502
CÁP ĐIỀU KHIỂN 1,0mm² - 300/500V - Cu/PVC/PVC (TCVN 6610-7/IEC60227-7)			
<i>300/500V Control cable, core 1.0mm²</i>			
1	5 x 1	CVV 5x1R5-0.3	24,589
2	6 x 1	CVV 6x1R5-0.3	29,461
3	7 x 1	CVV 7x1R5-0.3	33,739
4	9 x 1	CVV 9x1R5-0.3	43,729
5	10 x 1	CVV 10x1R5-0.3	49,373
6	12 x 1	CVV 12x1R5-0.3	56,646
7	14 x 1	CVV 14x1R5-0.3	65,854
8	16 x 1	CVV 16x1R5-0.3	74,935
9	19 x 1	CVV 19x1R5-0.3	87,946
10	20 x 1	CVV 20x1R5-0.3	94,699
11	24 x 1	CVV 24x1R5-0.3	111,309
CÁP ĐIỀU KHIỂN 1,5mm² - 300/500V - Cu/PVC/PVC (TCVN 6610-7/IEC60227-7)			
<i>300/500V Control cable, core 1.5mm²</i>			
1	5 x 1.5	CVV 5x1.5R5-0.3	34,172
2	6 x 1.5	CVV 6x1.5R5-0.3	40,654
3	7 x 1.5	CVV 7x1.5R5-0.3	46,570
4	9 x 1.5	CVV 9x1.5R5-0.3	61,607
5	10 x 1.5	CVV 10x1.5R5-0.3	67,589
6	12 x 1.5	CVV 12x1.5R5-0.3	78,582
7	14 x 1.5	CVV 14x1.5R5-0.3	91,643
8	16 x 1.5	CVV 16x1.5R5-0.3	104,748
9	19 x 1.5	CVV 19x1.5R5-0.3	122,401
10	20 x 1.5	CVV 20x1.5R5-0.3	130,184
11	24 x 1.5	CVV 24x1.5R5-0.3	153,459

STT No	Tên sản phẩm Product's name	Ký hiệu Product Symbol	Đơn giá (Đã có VAT) Unit price (included VAT)
			(VNĐ/m)
CÁP ĐIỀU KHIỂN 2,5mm2 - 300/500V - Cu/PVC/PVC (TCVN 6610-7/IEC60227-7)			
300/500V Control cable, core 2.5mm2			
1	5 x 2.5	CVV 5x2.5R5-0.3	54,104
2	6 x 2.5	CVV 6x2.5R5-0.3	64,840
3	7 x 2.5	CVV 7x2.5R5-0.3	75,081
4	9 x 2.5	CVV 9x2.5R5-0.3	97,352
5	10 x 2.5	CVV 10x2.5R5-0.3	107,786
6	12 x 2.5	CVV 12x2.5R5-0.3	127,416
7	14 x 2.5	CVV 14x2.5R5-0.3	146,401
8	16 x 2.5	CVV 16x2.5R5-0.3	167,456
9	19 x 2.5	CVV 19x2.5R5-0.3	197,829
10	20 x 2.5	CVV 20x2.5R5-0.3	208,571
11	24 x 2.5	CVV 24x2.5R5-0.3	251,145
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN 1,0mm2 - 300/500V - Cu/PVC/PVC/DSTA/PVC (IEC60227-7&IEC60502-1.Ref)			
300/500V Armoured control cables (underground), core 1.0mm2			
1	Ngắm 5 x 1	CVV-DSTA 5x1R5-0.3	37,736
2	Ngắm 6 x 1	CVV-DSTA 6x1R5-0.3	43,336
3	Ngắm 7 x 1	CVV-DSTA 7x1R5-0.3	46,903
4	Ngắm 9 x 1	CVV-DSTA 9x1R5-0.3	58,915
5	Ngắm 10 x 1	CVV-DSTA 10x1R5-0.3	62,554
6	Ngắm 12 x 1	CVV-DSTA 12x1R5-0.3	70,422
7	Ngắm 14 x 1	CVV-DSTA 14x1R5-0.3	78,152
8	Ngắm 16 x 1	CVV-DSTA 16x1R5-0.3	88,083
9	Ngắm 19 x 1	CVV-DSTA 19x1R5-0.3	101,797
10	Ngắm 20 x 1	CVV-DSTA 20x1R5-0.3	109,463
11	Ngắm 24 x 1	CVV-DSTA 24x1R5-0.3	126,280
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN 1,5mm2 - 0.6/1kV - Cu/PVC/PVC/DSTA/PVC (TCVN 5935/IEC60502-1)			
0.6/1kV Armoured control cables (underground), core 1.5mm2			
1	Ngắm 5 x 1.5	CVV-DSTA 5x1.5R5-0.6	47,081
2	Ngắm 6 x 1.5	CVV-DSTA 6x1.5R5-0.6	53,883
3	Ngắm 7 x 1.5	CVV-DSTA 7x1.5R5-0.6	60,351
4	Ngắm 9 x 1.5	CVV-DSTA 9x1.5R5-0.6	76,620
5	Ngắm 10 x 1.5	CVV-DSTA 10x1.5R5-0.6	83,283
6	Ngắm 12 x 1.5	CVV-DSTA 12x1.5R5-0.6	95,470
7	Ngắm 14 x 1.5	CVV-DSTA 14x1.5R5-0.6	108,298
8	Ngắm 16 x 1.5	CVV-DSTA 16x1.5R5-0.6	122,047
9	Ngắm 19 x 1.5	CVV-DSTA 19x1.5R5-0.6	142,083
10	Ngắm 20 x 1.5	CVV-DSTA 20x1.5R5-0.6	149,937
11	Ngắm 24 x 1.5	CVV-DSTA 24x1.5R5-0.6	177,591

STT No	Tên sản phẩm Product's name	Ký hiệu Product Symbol	Đơn giá (Đã có VAT) Unit price (included VAT)
			(VNĐ/m)
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN 2,5mm2 - 0.6/1kV - Cu/PVC/PVC/DSTA/PVC (TCVN 5935/IEC60502-1) 0.6/1kV Armoured control cables (underground), core 2.5mm2			
1	Ngắm 5 x 2.5	CVV-DSTA 5x2.5R5-0.6	68,473
2	Ngắm 6 x 2.5	CVV-DSTA 6x2.5R5-0.6	78,844
3	Ngắm 7 x 2.5	CVV-DSTA 7x2.5R5-0.6	89,061
4	Ngắm 9 x 2.5	CVV-DSTA 9x2.5R5-0.6	113,800
5	Ngắm 10 x 2.5	CVV-DSTA 10x2.5R5-0.6	125,012
6	Ngắm 12 x 2.5	CVV-DSTA 12x2.5R5-0.6	143,733
7	Ngắm 14 x 2.5	CVV-DSTA 14x2.5R5-0.6	164,040
8	Ngắm 16 x 2.5	CVV-DSTA 16x2.5R5-0.6	185,786
9	Ngắm 19 x 2.5	CVV-DSTA 19x2.5R5-0.6	217,255
10	Ngắm 20 x 2.5	CVV-DSTA 20x2.5R5-0.6	229,725
11	Ngắm 24 x 2.5	CVV-DSTA 24x2.5R5-0.6	272,653
CÁP ĐIỀU KHIỂN, LOẠI LỖI CỨNG 1.0mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC (TCVN 5935/IEC60502-1) 0.6/1kV Unarmoured control hard core cable, core 1.0mm2			
1	5 x 1	CXV 5x1R2-0.6	26,546
2	6 x 1	CXV 6x1R2-0.6	31,337
3	7 x 1	CXV 7x1R2-0.6	35,411
4	9 x 1	CXV 9x1R2-0.6	45,397
5	10 x 1	CXV 10x1R2-0.6	50,065
6	12 x 1	CXV 12x1R2-0.6	57,994
7	14 x 1	CXV 14x1R2-0.6	66,955
8	16 x 1	CXV 16x1R2-0.6	76,084
9	19 x 1	CXV 19x1R2-0.6	89,315
10	20 x 1	CXV 20x1R2-0.6	96,468
11	24 x 1	CXV 24x1R2-0.6	112,317
CÁP ĐIỀU KHIỂN, LOẠI LỖI CỨNG 1.5mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC (TCVN 5935/IEC60502-1) 0.6/1kV Unarmoured control hard core cable, core 1.5mm2			
1	5 x 1.5	CXV 5x1.5R2-0.6	36,874
2	6 x 1.5	CXV 6x1.5R2-0.6	43,681
3	7 x 1.5	CXV 7x1.5R2-0.6	49,946
4	9 x 1.5	CXV 9x1.5R2-0.6	64,126
5	10 x 1.5	CXV 10x1.5R2-0.6	70,411
6	12 x 1.5	CXV 12x1.5R2-0.6	81,873
7	14 x 1.5	CXV 14x1.5R2-0.6	94,750
8	16 x 1.5	CXV 16x1.5R2-0.6	107,846
9	19 x 1.5	CXV 19x1.5R2-0.6	126,891
10	20 x 1.5	CXV 20x1.5R2-0.6	133,809
11	24 x 1.5	CXV 24x1.5R2-0.6	159,627

STT No	Tên sản phẩm Product's name	Ký hiệu Product Symbol	Đơn giá (Đã có VAT) Unit price (included VAT)
			(VNĐ/m)
CÁP ĐIỀU KHIỂN, LOẠI LỖI CỨNG 2.5mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC (TCVN 5935/IEC60502-1)			
0.6/1kV Unarmoured control hard core cable, core 2.5mm2			
1	5 x 2.5	CXV 5x2.5R2-0.6	56,588
2	6 x 2.5	CXV 6x2.5R2-0.6	67,274
3	7 x 2.5	CXV 7x2.5R2-0.6	77,289
4	9 x 2.5	CXV 9x2.5R2-0.6	99,336
5	10 x 2.5	CXV 10x2.5R2-0.6	109,198
6	12 x 2.5	CXV 12x2.5R2-0.6	128,055
7	14 x 2.5	CXV 14x2.5R2-0.6	147,978
8	16 x 2.5	CXV 16x2.5R2-0.6	168,677
9	19 x 2.5	CXV 19x2.5R2-0.6	200,311
10	20 x 2.5	CXV 20x2.5R2-0.6	214,268
11	24 x 2.5	CXV 24x2.5R2-0.6	255,999
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN, LỖI CỨNG 1.0mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (TCVN 5935/IEC 60502-1)			
0.6/1kV Armoured control hard core cable, core 1.0mm2 (Underground)			
1	Ngắm 5 x 1	CXV-DSTA 5x1R2-0.6	38,360
2	Ngắm 6 x 1	CXV-DSTA 6x1R2-0.6	43,596
3	Ngắm 7 x 1	CXV-DSTA 7x1R2-0.6	47,576
4	Ngắm 9 x 1	CXV-DSTA 9x1R2-0.6	59,322
5	Ngắm 10 x 1	CXV-DSTA 10x1R2-0.6	63,342
6	Ngắm 12 x 1	CXV-DSTA 12x1R2-0.6	71,189
7	Ngắm 14 x 1	CXV-DSTA 14x1R2-0.6	78,623
8	Ngắm 16 x 1	CXV-DSTA 16x1R2-0.6	88,716
9	Ngắm 19 x 1	CXV-DSTA 19x1R2-0.6	102,786
10	Ngắm 20 x 1	CXV-DSTA 20x1R2-0.6	110,403
11	Ngắm 24 x 1	CXV-DSTA 24x1R2-0.6	127,182
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN, LỖI CỨNG 1.5mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (TCVN 5935/IEC 60502-1)			
0.6/1kV Armoured control hard core cable, core 1.5mm2 (Underground)			
1	Ngắm 5 x 1.5	CXV-DSTA 5x1.5R2-0.6	46,631
2	Ngắm 6 x 1.5	CXV-DSTA 6x1.5R2-0.6	53,412
3	Ngắm 7 x 1.5	CXV-DSTA 7x1.5R2-0.6	59,723
4	Ngắm 9 x 1.5	CXV-DSTA 9x1.5R2-0.6	75,389
5	Ngắm 10 x 1.5	CXV-DSTA 10x1.5R2-0.6	82,398
6	Ngắm 12 x 1.5	CXV-DSTA 12x1.5R2-0.6	94,581
7	Ngắm 14 x 1.5	CXV-DSTA 14x1.5R2-0.6	107,310
8	Ngắm 16 x 1.5	CXV-DSTA 16x1.5R2-0.6	121,015
9	Ngắm 19 x 1.5	CXV-DSTA 19x1.5R2-0.6	140,734
10	Ngắm 20 x 1.5	CXV-DSTA 20x1.5R2-0.6	148,430
11	Ngắm 24 x 1.5	CXV-DSTA 24x1.5R2-0.6	176,093

STT No	Tên sản phẩm Product's name	Ký hiệu Product Symbol	Đơn giá (Đã có VAT) Unit price (included VAT)
			(VNĐ/m)
CÁP NGẮM ĐIỀU KHIỂN, LỖI CỨNG 2.5mm2 - 0.6/1kV - Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC (TCVN 5935/IEC 60502-1)			
0.6/1kV Armoured control hard core cable, core 2.5mm2 (Underground)			
1	Ngắm 5 x 2.5	CXV-DSTA 5x2.5R2-0.6	66,954
2	Ngắm 6 x 2.5	CXV-DSTA 6x2.5R2-0.6	77,710
3	Ngắm 7 x 2.5	CXV-DSTA 7x2.5R2-0.6	87,808
4	Ngắm 9 x 2.5	CXV-DSTA 9x2.5R2-0.6	112,260
5	Ngắm 10 x 2.5	CXV-DSTA 10x2.5R2-0.6	123,130
6	Ngắm 12 x 2.5	CXV-DSTA 12x2.5R2-0.6	141,788
7	Ngắm 14 x 2.5	CXV-DSTA 14x2.5R2-0.6	161,969
8	Ngắm 16 x 2.5	CXV-DSTA 16x2.5R2-0.6	183,376
9	Ngắm 19 x 2.5	CXV-DSTA 19x2.5R2-0.6	214,426
10	Ngắm 20 x 2.5	CXV-DSTA 20x2.5R2-0.6	226,708
11	Ngắm 24 x 2.5	CXV-DSTA 24x2.5R2-0.6	269,076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG GIANG

* Dây & Cáp điện **GOLDCUP** cam kết 100% sản phẩm được Công ty sản xuất và kiểm tra tuân thủ theo các quy định của tiêu chuẩn áp dụng.

* Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi có thể sản xuất các loại sản phẩm đáp ứng quy cách/tiêu chuẩn theo yêu cầu của Quý khách hàng.

* Trường hợp những mặt hàng đặt số lượng nhỏ lẻ, Quý khách hàng vui lòng liên hệ nhà sản xuất để có báo giá chính xác trước khi đặt hàng.

* Các thông tin chi tiết khác, Quý khách hàng vui lòng tham khảo tại Website công ty: <http://goldcup.com.vn>



Chủ tịch hội đồng quản trị
VŨ QUANG KHÁNH